|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NGOẠI GIAO  **HỌC VIỆN NGOẠI GIAO** |  |

**GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY NGOẠI NGỮ VÀ HƯỚNG DẪN KIỂM TRA PHÂN LOẠI TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ**

**ĐỐI VỚI SINH VIÊN K50**

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG**

**I. Khái quát chung**

Năm học 2023 - 2024 Học viện Ngoại giao đào tạo ngoại ngữ như sau:

**- Ngoại ngữ 1**: là học phần bắt buộc. Sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Pháp hoặc tiếng Trung Quốc và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về trình độ và quy mô lớp học).

**- Ngoại ngữ 2**: là học phần tự chọn (có tính vào kết quả học tập). Sinh viên được lựa chọn một trong các ngoại ngữ sau: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha và được xếp lớp theo trình độ (nếu đáp ứng yêu cầu về trình độ và quy mô lớp học).

- Sinh viên có thể lựa chọn học toàn bộ là Ngoại ngữ 1 hoặc học cả Ngoại ngữ 1 và Ngoại ngữ 2. Việc phân loại trình độ và bắt đầu học ngoại ngữ 1 sẽ được tiến hành từ đầu học kỳ I (học kỳ 1 năm 1). Việc phân loại trình độ và bắt đầu học ngoại ngữ 2 sẽ được tiến hành tùy theo quy định của từng khoa/bộ môn Ngoại ngữ, nhưng không muộn hơn học kỳ III (học kỳ I năm 2). Sinh viên được xếp lớp học ngoại ngữ theo kết quả phân loại trình độ và không thay đổi trong toàn bộ quá trình đào tạo.

- Đối với ngành Ngôn ngữ Anh: Sinh viên học Ngoại ngữ 1 là tiếng Anh, Ngoại ngữ 2 (bắt buộc) là ngoại ngữ khác. Đối với ngành Châu Á - Thái Bình Dương học, sinh viên học Ngoại ngữ 1 phù hợp với chuyên ngành đã lựa chọn (tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Nhật hoặc tiếng Trung Quốc).

- Đối với ngành Châu Á - Thái Bình Dương học và Luật thương mại quốc tế: Sinh viên nếu có nguyện vọng đăng ký học Ngoại ngữ 2 cần đóng học phí theo quy định của Học viện cho các học phần này.

**II. Khối lượng học tập và chuẩn đầu ra ngoại ngữ**

**A. Ngành Quan hệ quốc tế, Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Truyền thông quốc tế, Luật quốc tế**

**1. Khối lượng học tập**

Khối lượng học tập ngoại ngữ trong các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học thuộc 05 ngành nêu trên là 24 tín chỉ bắt buộc:

- Sinh viên được xếp trình độ ngoại ngữ 1 Sơ cấp trong đợt phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào do Học viện Ngoại giao tổ chức (sau đây gọi tắt là phân loại trình độ) cần học đủ 24 tín chỉ ngoại ngữ 1.

- Sinh viên được xếp trình độ ngoại ngữ 1 từ Trung cấp trở lên trong đợt phân loại trình độ được lựa chọn học 15 tín chỉ ngoại ngữ 1 + 09 tín chỉ ngoại ngữ 2, hoặc học toàn bộ 24 tín chỉ ngoại ngữ 1.

**2.** **Chuẩn đầu ra**

Sau khi hoàn thành 24 tín chỉ ngoại ngữ, sinh viên cần đạt trình độ ngoại ngữ 1 tối thiểu như sau:

i. Có chứng chỉ quốc tế tương đương trình độ B2 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu (tương đương tiếng Anh IELTS 6.5; tiếng Pháp DELF B2; tiếng Trung HSK 4; tiếng Nhật JLPT N3; tiếng Hàn TOPIK 4) và;

ii. Hoàn thành học phần Ngoại ngữ chuyên ngành III với kết quả Đạt (mức điểm D) trở lên.

**B. Ngành Ngôn ngữ Anh**

**1. Khối lượng học tập**

Do đặc thù là ngành ngôn ngữ, khối lượng học tập các môn có yếu tố ngoại ngữ (Tiếng Anh và ngoại ngữ 2) trong chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh là 84 tín chỉ, trong đó sinh viên cả trình độ trung cấp và nâng cao đều cần học đủ 09 tín chỉ ngoại ngữ 2.

**2.** **Chuẩn đầu ra**

Sau khi hoàn thành CTĐT, sinh viên cần đạt trình độ ngoại ngữ 1 tối thiểu như sau:

i. Có chứng chỉ quốc tế tương đương trình độ C1 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu (tương đương tiếng Anh IELTS 7) và;

ii. Hoàn thành học phần Ngoại ngữ chuyên ngành III với kết quả Đạt (mức điểm D) trở lên.

**C. Ngành Luật thương mại quốc tế**

**1. Khối lượng học tập**

Khối lượng học tập ngoại ngữ trong các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Luật Thương mại Quốc tế là 18 tín chỉ bắt buộc.

(Sau khi học hết khối lượng này, sinh viên có thể đăng ký học các học phần ngoại ngữ nâng cao và chi trả học phí cho các học phần này theo quy định).

**2. Chuẩn đầu ra**

Sau khi hoàn thành 18 tín chỉ ngoại ngữ, sinh viên cần đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu như sau:

i. Có chứng chỉ quốc tế tương đương trình độ B2 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu (tương đương tiếng Anh IELTS 6.5; tiếng Pháp DELF B2; tiếng Trung HSK 4; tiếng Nhật JLPT N3; tiếng Hàn TOPIK 4) và;

ii. Hoàn thành học phần Ngoại ngữ chuyên ngành II với kết quả Đạt (mức điểm D) trở lên.

**D. Ngành Châu Á - Thái Bình Dương học**

**1. Khối lượng học tập**

Khối lượng học tập ngoại ngữ trong các chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Châu Á – Thái Bình Dương học là 24 tín chỉ bắt buộc.

Sinh viên chọn học ngoại ngữ tương ứng với chuyên ngành của mình (Hoa Kỳ học, Trung Quốc học, Nhật Bản học, Hàn Quốc học).

**2. Chuẩn đầu ra**

Sau khi hoàn thành 24 tín chỉ ngoại ngữ, sinh viên cần đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu như sau:

i. Có chứng chỉ quốc tế tương đương trình độ B2 theo Khung Tham chiếu Ngôn ngữ chung châu Âu (tương đương tiếng Anh IELTS 6.5; tiếng Pháp DELF B2; tiếng Trung HSK 4; tiếng Nhật JLPT N3; tiếng Hàn TOPIK 4) và;

ii. Hoàn thành học phần Ngoại ngữ chuyên ngành III với kết quả Đạt (mức điểm D) trở lên.

**PHẦN II: PHÂN LOẠI TRÌNH ĐỘ VÀ PHƯƠNG THỨC PHÂN LOẠI**

**TRÌNH ĐỘ ĐỐI VỚI CÁC NGOẠI NGỮ**

**I. TIẾNG ANH**

**1. Thời điểm phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Anh được phân loại trình độ Tiếng Anh tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học Tiếng Anh là ngoại ngữ 1: trước khi bắt đầu học kỳ I năm 1

- Đối với sinh viên học Tiếng Anh là ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ I của năm 2).

Sinh viên chỉ được tham gia kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ 1 và 2 một lần duy nhất và kết quả kiểm tra trình độ không được bảo lưu.

**2. Các trình độ**

**a. Trình độ Sơ cấp (không áp dụng với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh):** căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấp trong kỳ phân loại trình độ

- Sinh viên có chứng chỉ IELTS dưới 4.5 hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương

- Sinh viên không có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tiêu chuẩn và không tham gia kiểm tra trình độ

**b. Trình độ Trung cấp:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kỳ phân loại trình độ

- Sinh viên có chứng chỉ IELTS từ 4.5 đến dưới 6.0 hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương

**c. Trình độ Nâng cao:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ

- Sinh viên có chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương, hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích tiếng Anh trong kỳ thi HSG Quốc gia/Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT.

**Lưu ý:** Sinh viên phải lựa chọn học 24 tín chỉ ngoại ngữ 1 hay 15 tín chỉ ngoại ngữ 1 + 09 tín chỉ ngoại ngữ 2 một lần duy nhất, không muộn hơn thời điểm bắt đầu học kỳ III (học kỳ I của năm 2), và không được thay đổi quyết định trong quá trình học.

**3. Phương thức phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Anh là ngoại ngữ 1 hoặc 2 được phân loại trình độ Tiếng Anh đầu vào ở 3 trình độ: Sơ cấp, Trung cấp và Nâng cao theo một trong hai phương thức sau:

- Căn cứ vào điểm chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế còn thời hạn và đạt được trước thời điểm phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào của sinh viên. Các chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế được công nhận bao gồm IELTS, TOEFL IBT, hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế tương đương; hoặc đạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích tiếng Anh trong kỳ thi HSG Quốc gia/Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT.

- Căn cứ vào kết quả phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào do Học viện tổ chức gồm các phần thi Đọc, Nghe và Vấn đáp.

**II. TIẾNG PHÁP**

**1. Thời điểm phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Pháp được phân loại trình độ tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học Tiếng Pháp là ngoại ngữ 1: trước khi bắt đầu học kỳ I (học kỳ 1 năm 1)

- Đối với sinh viên học Tiếng Pháp là ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu học kỳ I (học kỳ 1 năm 1) hoặc trước khi bắt đầu học kỳ III (học kỳ 1 năm 2).

Sinh viên chỉ được tham gia kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ 1 và 2 một lần duy nhất và kết quả kiểm tra trình độ không được bảo lưu.

**2.** **Các trình độ**

**a. Trình độ Sơ cấp:** căn cứ vào một trong bốn tiêu chí sau:

- Sinh viên chưa từng học tiếng Pháp.

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấptrong kỳ phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ DELF A1 hoặc TCF 100-199 điểm.

- Sinh viên không có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế đạt tiêu chuẩn và không tham gia phân loại trình độ.

**b. Trình độ Trung cấp:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ DELF A2 - B1 hoặc chứng chỉ TCF 200-399 điểm trở lên hoặc sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Pháp cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT kết hợp với kết quả phần thi Nói đạt trình độ Trung cấp trong đợt phân loại trình độ.

**c. Trình độ Nâng cao:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong đợt phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ DELF B2 trở lên hoặc chứng chỉ TCF từ 400 điểm trở lên hoặc đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Pháp cấp Quốc gia kết hợp với kết quả phần thi Nói đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ.

**3. Phương thức phân loại trình độ:**

Sinh viên học Tiếng Pháp là ngoại ngữ 1 hoặc 2 được phân loại trình độ Tiếng Pháp đầu vào ở 3 trình độ: Sơ cấp, Trung cấp và Nâng cao căn cứ vào kết quả phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào do Học viện tổ chức gồm hai phần thi Viết và thi Nói:

* Dưới 7/20 điểm: trình độ Sơ cấp
* Từ 7-14/20 điểm: trình độ Trung cấp
* Trên 14/20 điểm: trình độ Nâng cao

Sinh viên có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế còn thời hạn và đạt được trước thời điểm phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào của sinh viên (DELF, DALF và TCF – thi đủ các kỹ năng và quy đổi tương ứng theo Quy định đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế mới nhất do Khoa Tiếng Pháp biên soạn), sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn HSG cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT và Quốc gia được miễn phần thi Viết và phải tham gia vào phần thi Nói tương ứng với trình độ theo quy định.

**Lưu ý:** Sinh viên phải lựa chọn học 24 tín chỉ ngoại ngữ 1 hay 15 tín chỉ ngoại ngữ 1 + 09 tín chỉ ngoại ngữ 2 một lần duy nhất, không muộn hơn thời điểm bắt đầu học kỳ III (học kỳ I của năm 2), và không được thay đổi quyết định trong quá trình học.

**III. TIẾNG TRUNG QUỐC**

**1. Thời điểm phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Trung được phân loại trình độ tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học Tiếng Trung là ngoại ngữ 1: trước khi bắt đầu học kỳ I (học kỳ 1 năm 1).

- Đối với sinh viên học Tiếng Trung là ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu học kỳ I (học kỳ 1 năm 1) hoặc trước khi bắt đầu học kỳ II (học kỳ 2 của năm 1).

- Sinh viên chỉ được tham gia kiểm tra trình độ đầu vào ngoại ngữ 1 và 2 một lần duy nhất và kết quả kiểm tra trình độ không được bảo lưu.

**2. Các trình độ**

**a. Trình độ Sơ cấp:** dành cho sinh viên đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấptrong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 1, 2, 3, hoặc HSK cấp 4 dưới 260 điểm, hoặc có chứng chỉ HSK cấp 4 trên 260 điểm nhưng không đạt HSKK trung cấp.

- Sinh viên không có chứng chỉ HSK và không tham gia kì phân loại trình độ.

**b. Trình độ Trung cấp:** dành cho sinh viên **đáp ứng đủ hai tiêu chí** sau:

- Sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 4 trên 260 điểm và HSKK trung cấp, hoặc HSK cấp 5 dưới 260 điểm, hoặc có chứng chỉ HSK cấp 5 trên 260 điểm nhưng không đạt HSKK cao cấp, hoặc sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG tiếng Trung cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT.

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kì phân loại trình độ.

**c. Trình độ Nâng cao:** dành cho sinh viên đáp ứng đủ hai tiêu chí sau:

- Sinh viên có chứng chỉ HSK cấp 5 trên 260 điểm và HSKK cao cấp, hoặc HSK cấp 6 trở lên, hoặc sinh viên đạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG tiếng Trung cấp Quốc gia bậc THPT.

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ.

**3. Phương thức phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Trung là ngoại ngữ 1 hoặc ngoại ngữ 2 được phân loại theo 3 trình độ: Sơ cấp, Trung cấp và Nâng cao, căn cứ vào điểm chứng chỉ HSK còn hạn hoặc giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG tiếng Trung cấp Quốc gia/Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT **VÀ** kết quả sinh viên đạt được trong đợt phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào do Học viện Ngoại giao tổ chức.

***- Đối với sinh viên học Tiếng Trung là ngoại ngữ 1:*** Căn cứ phân loại gồm điểm chứng chỉ HSK, HSKK còn hạn hoặc giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG tiếng Trung cấp Quốc gia/Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT **VÀ** kết quả đạt được trong kỳ phân loại trình độ qua hai bài thi Viết và Phỏng vấn.

***- Đối với sinh viên học Tiếng Trung là ngoại ngữ 2:*** Căn cứ phân loại gồm điểm chứng chỉ HSK, HSKK hoặc giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi HSG tiếng Trung cấp Quốc gia/Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT **VÀ** kết quả đạt được trong kỳ phân loại trình độ qua hai bài thi Viết và Phỏng vấn.

**IV.** **TIẾNG NHẬT**

**1. Thời điểm phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Nhật được phân loại trình độ Tiếng Nhật tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học Tiếng Nhật là ngoại ngữ 1: trước khi bắt đầu học kỳ I năm 1

- Đối với sinh viên học Tiếng Nhật là ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu học kỳ I của năm 1 hoặc trước khi bắt đầu kỳ III (học kỳ I của năm 2).

**2. Các trình độ**

**a. Trình độ Sơ cấp:** căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấptrong kì phân loại trình độ;

- Sinh viên có chứng chỉ JLPT N5;

- Sinh viên không có chứng chỉ JLPT và không tham gia phân loại trình độ.

**b. Trình độ Trung cấp:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kì kiểm tra trình độ;

- Sinh viên có chứng chỉ JLPT N4 hoặc sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Nhật cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT kết hợp với kết quả phần thi Nói đạt trình độ Trung cấp trong đợt phân loại trình độ.

**c. Trình độ Nâng cao:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ;

- Sinh viên có chứng chỉ JLPT N3 trở lên hoặc đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Nhật cấp Quốc gia kết hợp với kết quả phần thi Nói đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên chỉ được tham gia phân loại trình độ đầu vào ngoại ngữ 1 và 2 một lần duy nhất.

**Lưu ý**: Sinh viên phải lựa chọn học 24 tín chỉ ngoại ngữ 1 hay 15 tín chỉ ngoại ngữ 1 + 09 tín chỉ ngoại ngữ 2 một lần duy nhất, không muộn hơn thời điểm bắt đầu học kỳ III (học kỳ I của năm 2), và không được thay đổi quyết định trong quá trình học.

**3. Các phương thức phân loại**

Sinh viên học Tiếng Nhật là ngoại ngữ 1 hoặc 2 được phân loại trình độ Tiếng Nhật đầu vào ở 3 trình độ: Sơ cấp, Trung cấp và Nâng cao, theo một trong hai phương thức sau:

- Căn cứ vào chứng chỉ JLPT (Japanese-Language Proficiency Test) do Japan Foundation và Japan Educational Exchanges and Services tổ chức mà sinh viên đạt được trước thời điểm tổ chức thi phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào kết hợp với phần thi nói do Học viện Ngoại giao tổ chức hoặc:

- Căn cứ vào kết quả phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào *(gồm 2 phần: thi viết và thi nói)* do Học viện Ngoại giao tổ chức.

**V. TIẾNG HÀN**

**1. Thời điểm phân loại trình độ**

Sinh viên học Tiếng Hàn được phân loại trình độ Tiếng Hàn tại thời điểm như sau:

- Đối với sinh viên học Tiếng Hàn là Ngoại ngữ 1: trước khi bắt đầu học kỳ I năm 1.

- Đối với sinh viên học Tiếng Hàn là Ngoại ngữ 2: trước khi bắt đầu học kỳ II của năm 1.

Sinh viên chỉ được tham gia kiểm tra phân loại trình độ đầu vào ngoại ngữ 1 và 2 một lần duy nhất và kết quả kiểm tra trình độ không được bảo lưu.

1. **Các trình độ**

**a. Trình độ Sơ cấp:** căn cứ vào một trong các tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Sơ cấptrong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên mới bắt đầu học tiếng Hàn hoặc có chứng chỉ TOPIK dưới mức 3 (tương đương dưới B2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)

- Sinh viên không có chứng chỉ TOPIK và không tham gia phân loại trình độ.

**b. Trình độ Trung cấp:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Trung cấp trong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ TOPIK từ mức 3 tới mức 4 (tương đương từ B1+ đến B2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) hoặc sinh viên đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Hàn cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW bậc THPT.

**c. Trình độ Nâng cao:** căn cứ vào một trong hai tiêu chí sau:

- Sinh viên đạt trình độ Nâng cao trong kì phân loại trình độ.

- Sinh viên có chứng chỉ TOPIK từ mức 5 tới mức 6 (tương đương từ C1 đến C2 theo khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) hoặc đạt giải Khuyến khích trở lên trong kì thi chọn Học sinh giỏi tiếng Hàn cấp Quốc gia.

**Lưu ý:** Sinh viên lựa chọn học 24 tín chỉ ngoại ngữ 1 hay 15 tín chỉ ngoại ngữ 1 + 09 tín chỉ ngoại ngữ 2 một lần duy nhất, không muộn hơn thời điểm bắt đầu học kỳ II của năm 1, và không được thay đổi quyết định trong quá trình học.

**3.** **Các phương thức phân loại**

Sinh viên học Tiếng Hàn là ngoại ngữ 1 hoặc 2 được phân loại trình độ Tiếng Hàn theo 3 trình độ: Sơ cấp, Trung cấp và Nâng cao, theo một trong hai phương thức sau:

- Căn cứ vào điểm chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế còn hạn và đạt được trước thời điểm quyết định trình độ ngoại ngữ đầu vào của sinh viên. Chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế được công nhận là chứng chỉ Test of Proficiency in Korean (TOPIK) do Viện Giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn Quốc (NIIED) cấp, bao gồm 3 kỹ năng Nghe – Đọc – Viết và quy đổi tương ứng theo Quy định đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế mới nhất do Bộ môn Tiếng Hàn biên soạn và Lãnh đạo Học viện Ngoại giao phê duyệt, hoặc:

- Căn cứ vào kết quả sinh viên đạt được trong đợt phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào do Học viện Ngoại giao tổ chức.

**VI. Tiếng Đức và Tiếng Tây Ban Nha**

Tiếng Đức và Tiếng Tây Ban Nha chỉ đào tạo Ngoại ngữ 2, với một trình độ duy nhất là trình độ Cơ bản, dành cho sinh viên học tiếng Đức và Tiếng Tây Ban Nha từ đầu.

Thời điểm đăng ký học Ngoại ngữ 2 Tiếng Đức và Tiếng Tây Ban Nha: trước khi bắt đầu học kỳ 2 năm 1.

**PHẦN III: HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ NGOẠI NGỮ**

**VÀ KIỂM TRA ĐẦU VÀO NGOẠI NGỮ**

**I. Đăng ký ngoại ngữ**

**- 15h00 ngày 29/8/2023**: Sinh viên tham gia buổi tư vấn trực tuyến *Giới thiệu về chương trình giảng dạy ngoại ngữ tại Học viện Ngoại giao và Hướng dẫn kiểm tra phân loại trình độ ngoại ngữ* *đối với K50* (sinh viên xem Thông báo đăng nhập tại Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao hoặc Website: <https://www.dav.edu.vn> trước ngày tổ chức sự kiện).

**- Từ ngày 30/8/2023 - trước 17h00 ngày 08/9/2023**: Sinh viên đăng ký học Ngoại ngữ 1 và Ngoại ngữ 2 và đăng ký kiểm tra xếp lớp ngoại ngữ theo link: <https://forms.gle/9TgEjBWX2YHXZAzp8>

**Lưu ý**: *Sinh viên cần đọc kỹ Phần I và Phần II để xác định đúng trình độ và đối tượng cần tham gia kiểm tra đầu vào.*

**II. Kiểm tra đầu vào ngoại ngữ**

**- Ngày 13/9/2023**: Sinh viên thuộc diện kiểm tra đầu vào ngoại ngữ làm bài kiểm tra để xếp lớp phân loại trình độ ngoại ngữ 1 và ngoại ngữ 2.

\* Phòng Đào tạo và các Khoa Ngoại ngữ sẽ gửi Email thông báo hướng dẫn cụ thể thời gian và cách thức kiểm tra cho các sinh viên thuộc đối tượng tham dự.

**- Ngày 19/9/2023**: Sinh viên nhận Thông báo về Kết quả xếp lớp trình độ ngoại ngữ 1 và ngoại ngữ 2.

*Mọi thắc mắc cần giải đáp đề nghị liên hệ: Phòng Đào tạo đại học, Học viện Ngoại giao, Số 69, Phố Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội.*

*- Hotline: 0943.482.840 hoặc 0936.018.433*

*- Email: tuyensinh2023@dav.edu.vn*

*- Website: https://www.dav.edu.vn*

*- Fanpage: Tư vấn Tuyển sinh Học viện Ngoại giao*